

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HS-ST

Ngày: 14/6/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thanh;

2. Ông Nguyễn Thiện Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Bùi Minh T, sinh năm 1977; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: **ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang**. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa hảo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Văn D**, sinh năm: 1951 (đã chết) và bà **Đỗ Thị T1**, sinh năm 1952; vợ **Thái Thị M**, sinh năm 1967 (đã chết), con ruột có 2 người lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2002. Anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là người lớn nhất.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị cấm khỏi nơi cư trú từ ngày 23/02/2024 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo **Bùi Minh T**:

Ông **Trần Phước T2** - Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A**; địa chỉ: **Số H, đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang**.

Bị hại:

Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1967, nơi cư trú: **ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang**.

Bà **Võ Thị Đ**, sinh năm 1971, nơi cư trú: **ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang**.

Bà **Huỳnh Thị Cương E**, sinh năm 1988, nơi cư trú: **ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang**.

Bà **Phạm Thị C**, sinh năm 1966, nơi cư trú: **ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang**.

Bà **Nguyễn Thị Thu T3**, sinh năm 1996, nơi cư trú: **ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang**.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Ông **Huỳnh Văn G**, sinh năm: 1980, nơi cư trú: **khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang**.

Người làm chứng:

Ông **Võ Văn C1**.

Ông **Nguyễn Văn O**.

Bà **Huỳnh Thị Diệu H1**.

Bà **Lê Thị Bé D1**.

Ông **Nguyễn Phước V**.

Ông **Phan Văn C2**.

(Tại phiên tòa ông **H**, ông **T2** có mặt, những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên từ khoảng tháng 02/2023 đến ngày 03/11/2023, **Bùi Minh T** đã liên tục thực hiện hành vi trộm cắp trên địa bàn **xã V và xã V, huyện A**, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 22 giờ ngày 15/02/2023, **T** từ nhà bơi xuống sang sông đến **ấp V, xã V, huyện A** rồi đi bộ ngang đồng đến **ấp V, xã V**. **T** đi vào sân nhà của ông **Võ Văn C1**, đang tổ chức đám hỏi cho con gái, **T** ần núp tại đây. Đến khoảng hơn 01 giờ ngày 15/02/2023, **T** quan sát thấy ông **Nguyễn Thanh H** đang ngủ, bên cạnh có chiếc quần tây, **T** dùng cây đưa qua khe ván kéo một phần quần tây của anh **H** để lộ ví, **T** lấy 06 tờ tiền (mỗi tờ mệnh giá 500.000đ), sau khi lấy được 3.000.000đ, **T** tiêu xài cá nhân.

Lần thứ hai: Khoảng 00 giờ tháng 6/2023, **T** đi đến khu vực **ấp V, xã V**, quan sát thấy nhà của bà **Võ Thị Đ** không có cửa nên lén lút đột nhập vào nhà, lấy trong túi xách của bà **Đ** để trên giường ngủ trong mùng, 02 cọc tiền (01 cọc tiền lẻ và 01 cọc tiền chẵn, mỗi tờ tiền mệnh giá từ 100.000đ đến 200.000đ). Trên đường tẩu thoát, **T** đánh rơi 01 cọc tiền lẻ, còn lại 01 cọc tiền chẵn 1.000.000đ **T** mang về mua thuốc cho vợ và chi tiêu trong gia đình.

Lần thứ ba: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 08/9/2023, **T** đi đến khu vực thuộc khu dân cư **ấp V, xã V**, quan sát thấy nhà của bà **Huỳnh Thị Cương E** có cửa không khóa nên lén lút đột nhập lấy 4.000.000đ để trên bàn nhựa trong phòng ngủ rồi tẩu thoát, **T** mang về mua thuốc cho vợ và chi tiêu gia đình hết.

Lần thứ tư: Thiện đột nhập nhà của bà **Phạm Thị C** thuộc **ấp V, xã V** lấy trộm 1.500.000đ, **T** mang về mua thuốc cho vợ và chi tiêu gia đình hết.

Lần thứ năm: **T** không nhớ ngày tháng, tại khu vực **ấp V, xã V**, **T** đột nhập vào nhà của bà **Nguyễn Thị Thu T3** lấy đi 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy note 10 và số tiền 450.000đ, đem đến **tiệm Đ1** (thuộc **khóm A, thị trấn A**) bán với giá 800.000đ, số tiền trên **T** tiêu xài hết.

Lần thứ sáu: **T** không nhớ ngày tháng, tại khu vực **ấp V, xã V**, **T** đột nhập vào nhà của bà **Phan Thị T4** lấy đi 02 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M20 và Apple Iphone 6S, đem đến **tiệm Đ1** (thuộc **khóm A, thị trấn A**) bán với giá 1.200.000đ, số tiền trên **T** tiêu xài hết.

Lần thứ bảy: Khoảng 01 giờ ngày 03/11/2023, **Bùi Minh T** sử dụng chiếc xuồng bằng gỗ boi từ nhà (thuộc **ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang**) sang sông đến khu vực **xã V** mục đích để tìm tài sản lấy trộm. **T** đậu xuồng ở bờ sông nhà ông **Phan Văn N**, quan sát thấy nhà đóng cửa ngủ nên Thiên dung khúc cây gỗ nhặt được gần đó mở chốt cửa sau vào nhà nhưng chưa lấy được tài sản thì bị người dân phát hiện, không chế rồi trình báo **Công an xã V**.

Qua làm việc, **T** khai báo ngoài những lần trộm tài sản trên, **T** còn thực hiện 06 lần trộm khác gồm các tài sản sau:

- 01 chiếc xuồng bằng gỗ, dài 40,2m, nơi rộng nhất 80,6cm, có dấu hiệu mục nát, đã qua sử dụng tại **xã V**. Thiên dung làm phương tiện đi trộm các tài sản khác.
- 02 điện thoại di động, không rõ đặc điểm, bán cho tiệm điện thoại Trung Hiếu giá 1.000.000đ
- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, không rõ đặc điểm, trên đường tẩu thoát làm rớt xuống sông.
- 02 lần lấy trộm 04 điện thoại di động, không rõ đặc điểm, bán cho tiệm điện thoại Trung Hiếu giá 2.400.000đ
- 01 điện thoại di động, không rõ đặc điểm, bán cho tiệm điện thoại Trung Hiếu giá 500.000đ

Căn cứ kết luận định giá tài sản 167/KL-HĐĐG.TTHS ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự **huyện A** xác định: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6S màu hồng dung lượng 16GB, đã qua sử dụng giá 500.000đ; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy M20, màu đen dung lượng 32GB, đã qua sử dụng giá 300.000đ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi M1 A3, màu trắng, dung lượng RAM-ROM 4GB-64GB, đã qua sử dụng, bị vỡ nhiều vị trí kính mặt lưng giá 300.000đ.

Căn cứ kết luận định giá tài sản 18/KL-HĐĐG.TTHS ngày 19/04/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự **huyện A** xác định: 01 (một) chiếc xuồng gỗ dài 4,2m, nơi rộng nhất 80,6cm, có dấu hiệu mục nát, đã qua sử dụng có giá 200.000đ; 02 (hai) cây tua-vít, đã qua sử dụng giá 20.000đ; 01 (một) cây kéo, đã qua sử dụng giá 5.000đ; 01 (một) cây kim, đã qua sử dụng giá 10.000đ.

Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 14.000.000đ trong đó có 03 lần **T** lấy trộm của ông **Nguyễn Thanh H** 3.000.000đ, bà **Võ Thị Đ** 3.000.000đ và bà **Huỳnh Thị Cường E** 4.000.000đ.

Ngày 23/02/2024, **Bùi Minh T** bị khởi tố để điều tra.

Lời khai của các bị hại và người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 35/VKS-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 truy tố bị cáo **Bùi Minh T** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo **T** thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng vừa nêu.

Bị hại ông **Nguyễn Thanh H** trình bày: Ông thống nhất với bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát vừa công bố. Vào ngày 15/02/2023, ông đến nhà của ông **Võ Văn C1** để dự đám hỏi, ông có mang theo một số tiền, để trong hai ngăn ví, một bên 05 triệu đồng và 04 triệu đồng, ví ông để trong túi quần tây. Khi ngủ, ông để quần tây trên sàn nhà và ngủ gần đó, đến sáng cùng ngày thì tôi phát hiện mất toàn bộ số tiền nêu trên. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận chỉ trộm 03 triệu đồng, ông cũng chấp nhận và yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho ông số tiền trên. Ông không trình bày gì thêm.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: **Bùi Minh T** về tội “*Trộm cắp tài sản*” khoản 1 theo Điều 173, áp dụng các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) tuyên phạt bị cáo tù 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh bị cáo khó khăn, thuộc hộ cận nghèo nên không đề nghị áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại số tiền bị cáo đã lấy trộm gồm: ông **Nguyễn Thanh H** số tiền 3.00.000 đồng (Ba triệu đồng); bà **Võ Thị Đ** số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng); bà **Huỳnh Thị Cường E** số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); bà **Phạm Thị C** số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) và bà **Nguyễn Thị Thu T3** số tiền 450.000đ.

Bị cáo thừa nhận ngoài lấy trộm số tiền 450.000đ của bà Nguyễn Thị Thu T3, bị cáo còn lấy trộm một điện thoại di động Samsung Galaxy note 10 nhưng trong quá trình điều tra, truy tố không thu hồi được tang vật. Tại phiên tòa hôm nay, bà T3 vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử bảo lưu quyền khởi kiện dân sự yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà T3 đối với chiếc điện thoại nêu trên.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo là ông Trần Phước T2 trình bày: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo và quan điểm luận tội mà Kiểm sát viên trình bày. Tuy nhiên, cần xem xét hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo để lo thuốc cho vợ hiện đang bệnh nặng, thu nhập không đủ để tranh trả; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội. Trước và sau thời điểm phạm tội bị cáo là chấp hành tốt chính sách địa phương. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về phần luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo nhang khói cho vợ và cha ruột vừa mới mất, nhà bị cáo hiện nay không còn ai. Bị cáo hứa sẽ chí thú làm ăn, làm một người dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

Tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong giai đoạn điều tra bị cáo đã khai nhận phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, lời khai các bị hại, người liên quan, người làm chứng, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa. Bị cáo thừa nhận do vợ đang bệnh nặng cần tiền để chữa trị, bản thân có nghề nghiệp nhưng không đủ trang trải chi phí nên trong thời gian ngắn từ tháng 6/2023 đến tháng 11/2023, bị cáo đã liên tục, nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp trên địa bàn xã V và V, huyện A; cụ thể: Lấy trộm của ông Nguyễn Thanh H 3.000.000đ; bà Võ Thị Đ 3.000.000đ và bà Huỳnh Thị Cương E 4.000.000đ; bà Phạm Thị C 1.500.000đ; bà Nguyễn Thị Thu T3 một điện thoại di động S note 10 và 450.000đ; bà Phan Thị T4 hai điện thoại di động S1 và A 6S và 06 lần trộm khác không tìm được bị hại. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 14.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Xét tính chất vụ án: Tài sản là vốn quý có được từ quá trình lao động cực nhọc, chính đáng của cá nhân mới có được; hành vi bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần với tổng giá trị tài sản 14.000.000 đồng, trong đó có 03 lần bị cáo trộm của ông Nguyễn

Thanh H 3.000.000đ; bà **Võ Thị Đ** 3.000.000đ và bà **Huỳnh Thị Cường E** 4.000.000đ, đã thỏa mãn tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, trong thời gian **Công an huyện A** tiến hành điều tra vụ án, ngày 18/01/2024, bị cáo tiếp tục có hành vi trộm tài sản trên địa bàn **xã V**, bị **Công an xã V** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000đ đến nay chưa nộp phạt.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bên cạnh đó, bị cáo có trình độ học vấn thấp nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài những lần phạm tội nêu trên, bị cáo còn thực hiện rất nhiều lần trộm tài sản của người khác, tuy nhiên định lượng không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nhưng Hội đồng xét xử cũng xem xét trong khi lượng hình.

Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo là đối tượng lười lao động, thiếu ý chí rèn luyện, tu dưỡng. Do đó, cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

Xét đề nghị về mức hình phạt của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, nên chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có sổ hộ nghèo của địa phương nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với ông **Nguyễn Thanh H**, bà **Võ Thị Đ**, bà **Huỳnh Thị Cường E**: Bị cáo thừa nhận có trộm của ông **H** số tiền 3.000.000đ, bà **Đ** 3.000.000đ và bà **E** 4.000.000đ, chị **C** 1.500.000đ, bà **T3** 450.000đ. Tại phiên tòa, ông **H** yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền trên mà bị cáo đã lấy trộm. Riêng các bà **E**, bà **C**, bà **T3** trong giai đoạn điều tra đã ghi nhận ý kiến việc yêu cầu bị cáo bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải hoàn trả lại số tiền trên cho các bị hại là ông **H**, bà **Đ**, bà **E**, bà **C**, bà **T3**.

Đối với điện thoại S note 10: Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận đã lấy trộm của bà T3 nhưng Cơ quan tiến hành tố tụng không thu hồi được tang vật; tại phiên tòa, bà T3 vắng mặt nên không ghi nhận được yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử bảo lưu quyền khởi kiện vụ án dân sự của bà T3 về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với chiếc điện thoại nêu trên.

Đối với bà Phan Thị T4 đã nhận lại được tài sản mất trộm nên không có yêu cầu.

[8] Vật chứng trong vụ án:

Đối với các tài sản: 01 (một) chiếc xuống gỗ dài 4,2m; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi M1 A3 đã thu hồi được, chưa ai đến nhận là chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp nên giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A tiếp tục truy tìm theo quy định.

Đối với tài sản gồm 01 điện thoại di động, không rõ đặc điểm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy note S, trong quá trình điều tra bị cáo khai nhận đã lấy trộm nhưng không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, khi thu hồi sẽ xử lý sau.

Đối với vật chứng thu giữ 01 (một) quần thun nữ, 01 (một) vải trùm đầu, 02 (hai) cây tua-vít, 01 (một) cây kéo, 01 (một) cây kim, 01 (một) đèn pin là vật chứng không còn giá trị và không sử dụng được nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) đồng hồ đeo tay bằng nhựa và số tiền Việt Nam 56.000đ là tài sản cá nhân của bị cáo, không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Ngày 18/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã ra Quyết định xử lý vật chứng để trao trả tài sản cho bà Phan Thị T4 hai điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6S màu hồng dung lượng 16GB và S M20, màu đen dung lượng 32GB là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Các đối tượng liên quan: Quá trình điều tra, xác định ông Huỳnh Văn R không biết nguồn gốc điện thoại di động là do T trộm mà có. Tại thời điểm giao dịch mua bán, K trình bày là điện thoại của người nhà, do thiếu tiền nên nhờ bán; K và R không có việc hứa hẹn trước về việc mua bán điện thoại di động. Bên cạnh đó, R chưa có tiền án, tiền sự nên hành vi của R không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do

người khác phạm tội mà có”, không đồng phạm với **K** trong tội “Trộm cắp tài sản”, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm của **R** là đúng căn cứ.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Bùi Minh T** phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo có sổ hộ nghèo, hộ cận nghèo do của Ủy ban nhân dân xã **V** cấp (BL 191) và có đơn nên bị cáo được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Bùi Minh T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt bị cáo **Bùi Minh T** 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo **Bùi Minh T** phải trả cho ông **Nguyễn Thanh H** số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); bà **Võ Thị Đ** số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng); bà **Huỳnh Thị Cương E** số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); bà **Phạm Thị C** số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) và bà **Nguyễn Thị Thu T3** số tiền 450.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

3. Về xử lý vật chứng

Tịch thu, tiêu hủy:

- 02 (hai) cây tua-vít, đã qua sử dụng;
- 01 (một) cây kéo, đã qua sử dụng;
- 01 (một) cây kim, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cái quần thun dài kiểu nữ, đã qua sử dụng;
- 01 (một) mũ trùm đầu bằng vải, đã qua sử dụng;
- 01 (một) đèn pin, đã qua sử dụng;

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A:

- 01 (một) chiếc xuống gổ dài 4,2m, nơi rộng nhất 80,6cm, có dấu hiệu mục nát, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi M1 A3, màu trắng, dung lượng RAM-ROM 4GB-64GB, đã qua sử dụng, bị vỡ nhiều vị trí kính mặt lưng;

Trả lại cho bị cáo:

- 01 (một) đồng hồ đeo tay bằng nhựa, đã qua sử dụng;
- Tiền Việt Nam 56.000đ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2024 và biên lai thu tiền số 0004396 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú)

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, khoản 1 Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Bùi Minh T được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt bị cáo Bùi Minh T; bị hại Nguyễn Thanh H Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/6/2024) hoặc kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKSND huyện An Phú (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Sở Tư pháp (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thảo Ngân